| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC HÒA**<br>TỈNH LONG AN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày: 11 - 4 - 2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Thảnh.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông La Văn Việt;
Bà Lê Thị Xuân Đào.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Thành Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/HSST-QĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1. Vũ Văn Q,** sinh ngày 18/12/1978, tại Thành phố H;

Nơi đăng ký thường trú: thôn M, xã T, huyện T, Thành phố H; Nơi tạm trú: ấp 5, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: không có; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn B (chết) và bà Ngô Thị X; Bị cáo có vợ là Phạm Thị L và 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2022 đến ngày 19/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh (Bị cáo có mặt).

**2. Phạm Thị L,** sinh ngày 30/12/1978, tại Thành phố H;

Nơi đăng ký thường trú: khu 4, xã T, huyện T, Thành phố H; Nơi tạm trú: ấp 5, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo có chồng là Vũ Văn Q và 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 đến ngày 04/5/2023 tại xã T, huyện T, Thành phố H (Bị cáo có mặt).

***- Bị hại:*** Bà Võ Thị P, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***
1/ Ông Trần Văn S, sinh năm 1966 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã Hòa K, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
2/ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1987 (có mặt)
Địa chỉ: 153/30 B, phường B, quận B, Thành phố H.
3/ Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 5C/1 N, Phường 17, quận G, Thành phố H.

***- Người làm chứng:*** Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1959 (vắng mặt); Ông Biện Công D, sinh năm 1990 (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 ngày 18 tháng 11 năm 2022, Vũ Văn Q điều khiển xe mô tô biển số 51V3-68XX chở vợ là Phạm Thị L đi từ nhà trọ thuộc phường B, quận B, Thành phố H đến xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tìm bà Võ Thị P, sinh năm 1973, nơi thường trú: ấp T, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để lấy tiền mà bà P đã vay của Q trước đây nhưng không tìm được bà P nên Q điều khiển xe mô tô biển số 51V3-68XX chở L đi về lại nhà trọ. Khi đi đến trước cửa hàng xe máy biển hiệu K thuộc ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì Q nhìn thấy bà P đang điều khiển xe mô tô biển số 62P2-233.XX lưu thông cùng chiều phía trước, Q điều khiển xe mô tô biển số 51V3-68XX áp sát bên trái chặn đầu xe của bà P lại và yêu cầu dừng lại, bà P dừng xe lại thì Q đi đến dùng chân đạp vào xe bà P và dùng tay đánh vào mũ bảo hiểm của bà P làm rơi mũ bảo hiểm xuống đường, Q ngồi lên xe giật chìa khóa xe mô tô của bà P và đưa cho L điều khiển xe mô tô biển số 62P2-233.XX của bà P còn Q điều khiển xe mô tô biển số 51V3-68XX đi về nhà thuê tại số 133 B, phường B, quận B, Thành phố H cất giữ. Đến khoảng 15 giờ ngày 19 tháng 11 năm 2022, bà P điện thoại cho Q hẹn Q đem xe mô tô của bà P đến Khu phố 3, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để bà P trả số tiền mà bà P đã nợ Q. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô biển số 51V3-68XX, L điều khiển xe mô tô biển số 62P2-233.XX đến địa điểm mà bà P đã hẹn thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ, xử lý cùng vật chứng vụ án.

Vật chứng vụ án tạm giữ gồm có:
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RXS, biển số 62P2-233.XX, màu sơn đen xám.
- 01 xe mô tô nhãn hiện Sumoto, biển số 51V3-68XX, màu sơn đỏ đen.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 plus, màu đen.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A11, màu xanh dương.

- 01 ví da màu đen bên trong có 01 căn cước công dân tên Phạm Thị L, số 0311780055XX và số tiền 433.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 124 ngày 22/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An kết luận: xe mô tô biển số 62P2-233.XX có trị giá thành tiền là 19.701.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKSĐH ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Vũ Văn Q và Phạm Thị L về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Văn Q và Phạm Thị L hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

*Bị hại bà Võ Thị P trình bày tại Cơ quan điều tra:* Trước đây, bà P có vay tiền của một người có tên gọi là D (không biết rõ họ và tên) và còn nợ tiền chưa trả được do hết khả năng thanh toán, đến ngày 18/11/2022, trên đường đi bán về thuộc xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì bà P bị một người thanh niên chở theo một người phụ nữ dùng chân đạp vào xe của bà và dùng tay đánh vào mũ bảo hiểm của bà làm rơi mũ bảo hiểm xuống đường và cướp chiếc xe mô tô biển số 62P2-233.XX của bà. Qua sự việc trên, bà P xác định người cướp xe của bà là Vũ Văn Q và Phạm Thị L. Ngày 19/11/2022, bà làm đơn trình báo công an xã Đức Hòa Hạ và điện thoại cho bị cáo Q và bị cáo L, hẹn đến khu vực 3, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để bà trả tiền vay thì bị cáo Q điều khiển xe mô tô 51V3-68XX, bị cáo L điều khiển xe 62P2-233.XX đến địa điểm mà bà đã hẹn thì bị lực lượng công an phát hiện bắt giữ. Nay bà P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì khác trong vụ án, đồng thời bà có đơn từ chối giám định thương tích.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

*Ông Trần Văn S trình bày tại Cơ quan điều tra:* Xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RXS, màu đen xám, biển số: 62P2-233.XX là tài sản của ông đứng tên đăng ký chủ quyền vào năm 2021. Ngày 18/11/2022, ông giao xe này để bà P sử dụng làm phương tiện đi buôn bán thì bị các bị cáo Q và L chiếm đoạt. Ông đã ủy quyền cho bà P trong việc xử lý tài sản bị chiếm đoạt. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả xe lại cho bà P vào ngày 28 tháng 11 năm 2022 nên ông không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

*Ông Phạm Văn T trình bày tại Cơ quan điều tra:* Xe mô tô hiệu Sumoto, màu đỏ - đen, biển số: 51V3-68XX là tài sản của ông, do ông đã mua lại từ một người khác, không làm thủ tục sang tên. Ngày 18/11/2022, ông cho bị cáo Q

mượn để làm phương tiện đi lại. Ông không biết bị cáo Q sử dụng xe mô tô biển số 51V3-68XX làm phương tiện đi cướp tài sản của người khác, ông có yêu cầu xin được nhận lại xe mô tô biển số 51V3-68XX.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An phát biểu tại phiên tòa:*

Lời khai nhận tội của các bị cáo Vũ Văn Q và Phạm Thị L phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định do bà P chưa trả được tiền nợ nên các bị cáo Q và L thực hiện hành vi cướp tài sản của bà P để bà P phải trả nợ cho các bị cáo. Do đó, hành vi của bị cáo Q và bị cáo L đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Vũ Văn Q và Phạm Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của từng bị cáo, do các bị cáo Vũ Văn Q và bị cáo Phạm Thị L phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Q, L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn, hối cải, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo nên đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Q và bị cáo Phạm Thị L phạm tội "Cướp tài sản"; Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q mức hình phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án; Xử phạt bị cáo Phạm Thị L mức hình phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RXS, màu đen xám, biển số: 62P2-233.XX. Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp bà Võ Thị P vào ngày 28 tháng 11 năm 2022 là phù hợp nên đề nghị không đề cập, xem xét.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiện Sumoto, biển số 51V3-68XX, số máy: MH3-50156578, số khung: 3UM5B-156578, màu sơn đỏ đen là tài sản của ông Phạm Văn T, do ông T đã mua lại từ một người khác, không làm thủ tục sang tên. Ngày 18/11/2022 ông T đã cho bị cáo Q mượn sử dụng. Tuy nhiên ông T không biết bị cáo Q sử dụng xe mô tô của ông làm phương tiện đi cướp tài sản của người khác đề nghị trả lại cho ông Phạm Văn T chiếc xe mô tô này.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 plus, màu đen; 01 ví da màu đen và số tiền 433.000 đồng là tài sản của bị cáo Q, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị trả lại cho bị cáo Q.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A11, màu xanh dương và 01 căn cước công dân tên Phạm Thị L, số 0311780055xx là tài sản của bị cáo L, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị trả lại cho bị cáo L.

- Đối với ông Phạm Văn T có hành vi cho bị cáo Vũ Văn Q mượn xe 51V3-68xx để sử dụng nhưng ông T không biết việc bị cáo Q sử dụng xe này làm phương tiện đi cướp tài sản của người khác, hành vi của ông T không cấu thành tội phạm có liên quan nên đề nghị không xem xét.

- Đối với Vũ Văn Q có hành vi dùng tay đánh vào mũ bảo hiểm của bà P làm rơi mũ bảo hiểm xuống đường. Tuy nhiên bà P xác định thương tích nhẹ đã từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự đối với Vũ Văn Q về hành vi cố ý gây thương tích nên đề nghị không xem xét.

- Đối với việc bị cáo Vũ Văn Q cho bà P vay số tiền 5.000.000 đồng là thỏa thuận về giao dịch dân sự (hợp đồng miệng) giữa bị cáo Q và bà P, chỉ có lời khai của bị cáo Q và bà P, không có tài liệu gì khác để chứng minh về việc vay mượn này nên đề nghị không đề cập xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Võ Thị P sau khi nhận tài sản và số tiền bồi thường thiệt hại 3.000.000 đồng, bà P không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên đề nghị không xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo Q và bị cáo L: Các bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Thị L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc ngày 19/11/2022, Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 19/11/2022, Kết luận định giá số: 124 ngày 22/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 16 giờ 00 ngày 18/11/2022, trước cửa hàng xe máy biển hiệu K thuộc ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Vũ Văn Q có hành vi dùng vũ lực là chân đạp vào xe của bà Võ Thị P và dùng tay đánh vào mũ bảo hiểm của bà P làm rơi mũ bảo hiểm xuống đường. Q lấy đi 01 xe mô tô biển số 62P2-233.XX của bà P trị giá 19.701.000 đồng rồi giao cho Phạm Thị L điều khiển xe mô tô biển số 62P2-233.XX còn Q điều khiển xe mô tô biển số 51V3-68XX đi về nhà thuê tại số 133, đường B, phường B, quận B, Thành phố H cất giữ. Sau đó, bà P đến Cơ quan Công an tố cáo sự việc trên.

Hành vi phạm tội mà bị cáo Q và bị cáo L gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản đang thuộc sở hữu của bà Võ Thị P, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa P.

Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của các bị cáo là ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng nhưng các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo Vũ Văn Q và Phạm Thị L đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Vũ Văn Q và Phạm Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Đây là vụ án đồng phạm, trong vụ án này các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Thị L thực hiện tội phạm có tính chất giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau.

Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho các bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Thị L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo Q, L thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, đồng thời bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội của các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Thị L còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Thị L có lời trình bày các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Q và L.

[5]. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, do đó việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương đối với các bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Thị L là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RXS, màu đen xám, biển số: 62P2-233.XX. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp bà Võ Thị P vào ngày 28 tháng 11 năm 2022 là phù hợp nên không đề cập, xem xét.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiện Sumoto, biển số 51V3-68XX, số máy: MH3-50156578, số khung: 3UM5B-156578, màu sơn đỏ đen là tài sản của ông Phạm Văn T, do ông T đã mua lại từ một người khác, không làm thủ tục sang tên. Ngày 18/11/2022 ông T đã cho bị cáo Q mượn sử dụng. Tuy nhiên ông T không biết bị cáo Q sử dụng xe mô tô của ông làm phương tiện đi cướp tài sản của người khác nên trả lại cho ông Phạm Văn T chiếc xe mô tô này là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 plus, màu đen, 01 ví da màu đen và số tiền 433.000 đồng là tài sản của bị cáo Q, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo Q.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A11, màu xanh dương và 01 căn cước công dân tên Phạm Thị L, số 0311780055XX là tài sản của bị cáo L, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo L.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Võ Thị P sau khi nhận tài sản và số tiền bồi thường thiệt hại 3.000.000 đồng, bà P không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[8]. Đối với Phạm Văn T có hành vi cho bị cáo Vũ Văn Q mượn xe 51V3-68XX để sử dụng nhưng ông T không biết việc bị cáo Q sử dụng xe này làm phương tiện đi cướp tài sản của người khác, hành vi của ông T không cấu thành tội phạm nên không xem xét.

- Đối với hành vi của bị cáo Vũ Văn Q dùng tay đánh vào mũ bảo hiểm của bà P làm rơi mũ bảo hiểm xuống đường. Tuy nhiên bà P xác định thương tích nhẹ đã từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo Vũ Văn Q về hành vi cố ý gây thương tích nên không xem xét.

- Đối với việc bị cáo Vũ Văn Q cho bà P vay số tiền 5.000.000 đồng là thỏa thuận về giao dịch dân sự (hợp đồng miệng) giữa bị cáo Q và bà P, chỉ có lời khai của bị cáo Q và bà P, không có tài liệu gì khác để chứng minh về việc vay mượn này nên không đề cập xem xét.

[9]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Thị L phạm tội "Cướp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Áp dụng Điều 2, Điều 4, Điều 6 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Q 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị L 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Văn Q và bị cáo Phạm Thị L về Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Vũ Văn Q và bị cáo Phạm Thị L có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Vũ Văn Q và bị cáo Phạm Thị L thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho ông Phạm Văn T 01 xe mô tô nhãn hiện Sumoto, biển số 51V3-68XX, số máy: MH3-50156578, số khung: 3UM5B-156578, màu sơn đỏ đen.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 plus, màu đen; 01 ví da màu đen và số tiền 433.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0002469 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa).

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A11, màu xanh dương và 01 căn cước công dân tên Phạm Thị L, số 0311780055XX.

Tang vật trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 69-03/03/2023 ngày 03/3/2023.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Thị L mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị

hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Sở tư pháp TP H;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Hòa;
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Trần Thị Kim Thảnh**